

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP**

**Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 22**

**1. Điểm khóa luận tốt nghiệp**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Trịnh Minh Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Hà Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Nông Thị Hồng Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm	10	Nông Trung Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Nông Lý Huệ	8,50	Tám phẩy năm	12	Triệu Thị Nháy	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Dương Thị Ngân	8,25	Tám phẩy hai năm	13	Nông Tiên Đạt	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Trần Thị Thu Thúy	8,50	Tám phẩy năm	14	Nguyễn Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Triệu Thị Trầm	8,25	Tám phẩy hai năm	15	Đàm Thị Phương Hoài	8,00	Tám
8	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám	16	Lê Thị Thương	8,00	Tám

**2. Điểm thi tốt nghiệp**

1	Nông Thị Anh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	32	Nông Văn Lâm	7,33	Bảy phẩy ba ba
2	Nông Thị Ao	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Ngô Thị Ngọc Linh	7,92	Bảy phẩy chín hai
3	Nông Thị Bạch	7,58	Bảy phẩy năm tám	34	Hoàng Thị Mai	7,58	Bảy phẩy năm tám
4	Lục Thị Châm	7,50	Bảy phẩy năm	35	Nông Thị Niệm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Lê Kiên Chung	6,50	Sáu phẩy năm	36	Phạm Thị Nhân	7,58	Bảy phẩy năm tám
6	Phan Đoàn Dân	6,83	Sáu phẩy tám ba	37	Phùng Tồn Nhất	6,50	Sáu phẩy năm
7	Hà Thị Phương Dung	8,08	Tám phẩy không tám	38	Chu Thị Nhậ	7,50	Bảy phẩy năm
8	Vi Thị Dung	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	39	Hoàng Thị Nhiệm	7,58	Bảy phẩy năm tám
9	Bé Thị Dung	7,58	Bảy phẩy năm tám	40	Phạm Thị Lưu Như	7,00	Bảy
10	Luân Tuấn Đạt	7,17	Bảy phẩy mười bảy	41	Thắm Thị Phúc	7,42	Bảy phẩy bốn hai
11	Trần Văn Đạt	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	42	Hoàng Thúy Quỳnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Lưu Chí Đức	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Hứa Mạnh Toàn	6,83	Sáu phẩy tám ba
13	Tô Thị Giang	7,92	Bảy phẩy chín hai	44	Đỗ Thị Thanh Tú	7,33	Bảy phẩy ba ba
14	Đào Thị Hạnh	7,17	Bảy phẩy mười bảy	45	Phùng Ngọc Tú	7,17	Bảy phẩy mười bảy

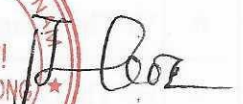
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
15	Chu Thị Hảo	7,00	Bảy	46	Mông Tô Tuyên	6,83	Sáu phẩy tám ba
16	Hoàng Thị Tú Hiền	7,33	Bảy phẩy ba mươi ba	47	Nông Văn Tư	6,83	Sáu phẩy tám ba
17	Hoàng Thị Hiền	7,33	Bảy phẩy ba mươi ba	48	Lâm Đức Thành	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Mã Xuân Hợp	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Lôi Thị Thao	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
19	Lý Thị Hợp	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	50	Lý Thị Thảo	7,58	Bảy phẩy năm tám
20	Hoàng Mạnh Hùng	6,83	Sáu phẩy tám ba	51	Lâm Thu Thiều	7,58	Bảy phẩy năm tám
21	Hà Văn Huy	7,83	Bảy phẩy tám ba	52	Chu Thị Thom	6,33	Sáu phẩy ba ba
22	Hoàng Văn Hưng	7,00	Bảy	53	Phạm Bằng Thuận	6,75	Sáu phẩy bảy năm
23	Nông Thị Hương	7,58	Bảy phẩy năm tám	54	Hà Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Đàm Thị Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Luong Thị Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Hứa Thị Hương	7,17	Bảy phẩy mười bảy	56	Hoàng Thu Thủy	7,42	Bảy phẩy bốn hai
26	Ma Nông Hữu	6,25	Sáu phẩy hai	57	Nông Thị Thúy	7,17	Bảy phẩy mười bảy
27	Nông Thị Kiều	6,75	Sáu phẩy bảy năm	58	Chu Thị Huyền Trang	7,42	Bảy phẩy bốn hai
28	Vương Văn Khuyến	6,92	Sáu phẩy chín hai	59	Bàn Hữu Trung	6,08	Sáu phẩy không tám
29	Lục Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	60	Trần Văn Việt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nông Hồng Lanh	7,42	Bảy phẩy bốn hai	61	Hoàng Văn Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Long Thị Lãnh	7,50	Bảy phẩy năm	62	Hoàng Xuân Vũ	7,00	Bảy

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thu Hằng**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**